

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)**

Báo cáo của Tổng Giám đốc
và Báo cáo giữa niên độ đã được soát xét

Ngày 30 tháng 6 năm 2015

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Tổng Giám đốc	3
Báo cáo về kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10 - 11
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	12
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	13 - 38

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam) (“Công ty”), được đổi tên từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) theo quyết định số 17/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”), là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 73/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 18 tháng 12 năm 2007 và các giấy phép điều chỉnh như sau:

<u>Giấy phép kinh doanh điều chỉnh số</u>	<u>Ngày</u>
109/QĐ-UBCK	Ngày 27 tháng 2 năm 2009
218/QĐ-UBCK	Ngày 8 tháng 4 năm 2009
411/QĐ-UBCK	Ngày 10 tháng 7 năm 2009
65/QĐ-UBCK	Ngày 28 tháng 1 năm 2010
23/GPĐC-UBCK	Ngày 6 tháng 4 năm 2011
35/GPĐC-UBCK	Ngày 12 tháng 8 năm 2013
17/GPĐC-UBCK	Ngày 15 tháng 4 năm 2015
421/GPĐC-UBCK	Ngày 20 tháng 5 năm 2015

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại số 91 Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh và chi nhánh tại tầng 4, toà nhà số 27 phố Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty trong kỳ báo cáo 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/ Miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Hữu Hiếu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 8 năm 2007
Ông Moon Kyung Kang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 8 năm 2007
Ông Woo Young Ki	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2015
Ông Ryu Hyeuk Sun	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2015
Ông Vũ Hoài Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 8 năm 2007
Ông Seong Moon Jeong	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2015
Ông Byoung Youb Jeon	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát Công ty trong kỳ báo cáo 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/ Miễn nhiệm</u>
Ông Ahn Jong Hoon	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2015
Ông Nguyễn Hữu Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 8 năm 2007
Ông Nghiêm Thông	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 8 năm 2007
Ông Woo Young Ki	Thành viên kiêm điều hành	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2015

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty trong kỳ báo cáo 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Woo Young Ki	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2013
Bà Ngô Thanh Thủy	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2013

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ báo cáo 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Woo Young Ki, chức danh Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.


Ông Woo Young-Ki
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2015



Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

**Building a better
working world**

Số tham chiếu: 61214809/17936568-SX

BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam) ("Công ty"), được lập ngày 13 tháng 8 năm 2015 và được trình bày từ trang 5 đến trang 38, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu báo cáo tài chính giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó tại ngày 24 tháng 3 năm 2015. Đồng thời, báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng được doanh nghiệp kiểm toán này soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính giữa niên độ đó vào ngày 11 tháng 8 năm 2014.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1

Võ Ngọc Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2105-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2015

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management
(Việt Nam)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

B01a-CTCK

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		351.240.703.327	287.627.711.338
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	143.853.279.234	121.403.503.655
111	1. Tiền		79.653.279.234	41.301.003.655
112	2. Các khoản tương đương tiền		64.200.000.000	80.102.500.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6.1	141.226.603.260	132.521.484.010
121	1. Đầu tư ngắn hạn		141.226.603.260	132.521.484.010
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	7	65.161.497.227	32.881.802.718
135	1. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		63.559.315.878	25.748.059.069
138	2. Các khoản phải thu khác		1.602.181.349	7.133.743.649
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		999.323.606	820.920.955
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		819.635.893	742.800.908
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.189.157	6.449.897
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		178.498.556	71.670.150
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		8.538.258.702	8.324.961.797
220	I. Tài sản cố định		3.594.688.566	4.093.654.784
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	1.556.722.926	1.190.561.954
222	Nguyên giá		13.403.322.242	12.683.144.366
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(11.846.599.316)	(11.492.582.412)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	2.037.965.640	2.903.092.830
228	Nguyên giá		7.521.375.340	7.521.375.340
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.483.409.700)	(4.618.282.510)
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	6.2	572.618.000	572.618.000
258	1. Đầu tư dài hạn khác		572.618.000	572.618.000
260	III. Tài sản dài hạn khác		4.370.952.136	3.658.689.013
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	1.528.300.705	1.355.849.660
263	2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	11	2.106.970.104	1.567.158.026
268	3. Tài sản dài hạn khác	12	735.681.327	735.681.327
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		359.778.962.029	295.952.673.135

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management
(Việt Nam)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

B01a-CTCK

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		105.000.132.761	40.455.086.718
310	I. Nợ ngắn hạn		104.952.765.852	40.407.719.809
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	26.543.000.000	-
312	2. Phải trả người bán		-	62.940.000
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	235.849.851	407.268.957
316	4. Chi phí phải trả	15	932.301.539	1.334.426.715
320	5. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	16	77.006.368.263	38.425.579.888
328	6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	235.246.199	177.504.249
330	II. Nợ dài hạn		47.366.909	47.366.909
337	1. Dự phòng phải trả dài hạn		47.366.909	47.366.909
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		254.778.829.268	255.497.586.417
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	254.778.829.268	255.497.586.417
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		300.000.000.000	300.000.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính		11.875.117	11.875.117
419	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		11.875.117	11.875.117
420	4. Lỗ lũy kế		(45.244.920.966)	(44.526.163.817)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		359.778.962.029	295.952.673.135

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management
(Việt Nam)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

B01a-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

		VND	
Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
005	1. Ngoại tệ các loại	2.860.836	3.415.932
006	2. Chứng khoán lưu ký	9.176.042.120.000	8.758.440.270.000
	<i>Trong đó:</i>		
007	2.1. Chứng khoán giao dịch	9.157.425.820.000	8.716.577.340.000
008	2.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	4.717.620.000	208.820.000
009	2.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	158.892.440.000	257.259.550.000
010	2.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	8.993.815.760.000	8.459.108.970.000
022	2.2. Chứng khoán nắm giữ tạm thời	151.000.000	151.000.000
024	2.2.1. Chứng khoán nắm giữ tạm thời của khách hàng trong nước	151.000.000	151.000.000
027	2.3. Chứng khoán chờ thanh toán	18.333.200.000	3.901.800.000
029	2.3.1. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	3.227.500.000	1.596.200.000
030	2.3.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	15.105.700.000	2.305.600.000
037	2.4. Chứng khoán chờ giao dịch	132.100.000	52.800.000
038	2.4.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	150.000	90.000
039	2.4.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	71.020.000	52.110.000
040	2.4.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	60.930.000	600.000
042	2.5. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	39.164.460.000	37.757.330.000
044	2.5.1 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	39.164.460.000	37.757.330.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management
(Việt Nam)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

B01a-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
050	3. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	6.210.390.000	6.068.600.000
	<i>Trong đó:</i>		
051	3.1. Chứng khoán giao dịch	6.210.390.000	6.068.600.000
052	3.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	1.760.000	2.160.000
053	3.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	3.132.730.000	2.992.760.000
054	3.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	3.075.900.000	3.073.680.000

Người lập:



Bà Nguyễn Hồng Quyên
Kế toán viên

Người kiểm soát:



Bà Ngô Thanh Thủy
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Woo Young Ki
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2015

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management
(Việt Nam)

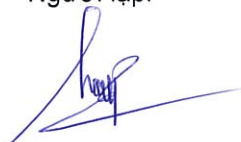
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

B02a-CTCK

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
01	1. Doanh thu		15.342.370.946	14.697.804.614
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		2.995.472.679	3.812.161.455
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		3.386.319.061	4.373.280
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		1.106.905	139.215.336
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		248.670.260	-
01.9	Doanh thu khác	19	8.710.802.041	10.742.054.543
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		15.342.370.946	14.697.804.614
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	20	(8.491.177.774)	(8.920.851.595)
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		6.851.193.172	5.776.953.019
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(7.567.410.533)	(8.326.413.762)
30	7. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(716.217.361)	(2.549.460.743)
31	8. Thu nhập khác		7.578	6.975.970
32	9. Chi phí khác		(2.547.366)	(5.473)
40	10. (Lỗ)/lợi nhuận khác		(2.539.788)	6.970.497
50	11. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(718.757.149)	(2.542.490.246)
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22.1	-	-
52	13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	14. Lỗ sau thuế TNDN		(718.757.149)	(2.542.490.246)

Người lập:



Bà Nguyễn Hồng Quyên
Kế toán viên

Người kiểm soát:



Bà Ngô Thanh Thủy
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Woo Young Ki
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2015

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management
(Việt Nam)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

B03a-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lỗ trước thuế		(718.757.149)	(2.542.490.246)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao TSCĐ	8, 9	1.219.144.094	1.081.748.382
03	Các khoản dự phòng		-	(5.813.613)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(10.842.030.898)	(10.742.054.543)
	- Lãi tiền gửi ngân hàng	19	(6.193.693.541)	(8.580.545.680)
	- Lãi từ hoạt động ứng trước cho khách hàng	19	(251.929.797)	(253.072.559)
	- Lãi từ hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ	19	(2.088.416.629)	(1.908.436.304)
	- Cổ tức	22.1	(552.186.561)	-
	- Lãi do đánh giá lại cổ phiếu		(1.755.804.370)	-
06	Chi phí lãi vay		50.682.250	18.882.423
08	3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(10.290.961.703)	(12.189.727.597)
09	(Giảm)/tăng các khoản phải thu		(38.285.933.316)	4.746.744.138
11	Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		38.002.046.043	4.178.158.827
12	Giảm chi phí trả trước		(249.286.030)	(328.949.379)
13	Tiền lãi vay đã trả		(50.682.250)	(18.882.423)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(10.874.817.256)	(3.612.656.434)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	8	(720.177.876)	(37.000.000)
22	Tiền thu từ việc bán cổ phiếu		236.600.000	-
23	Tiền chi cho mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(139.510.214.880)	(60.409.497.320)
	- Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng		(110.000.000.000)	(60.400.000.000)
	- Tiền chi cho mua các khoản đầu tư		(29.510.214.880)	(9.497.320)
24	Tiền thu về từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng		132.300.000.000	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management
(Việt Nam)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

B03a-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
27	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ (tiếp theo) Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia - Tiền thu lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng - Tiền thu lãi từ các khoản ứng trước cho khách hàng - Tiền thu lãi từ các khoản giao dịch ký quỹ - Tiền thu lãi từ cổ tức được chia	22.1	14.475.385.591 11.653.911.805 216.303.309 2.052.983.916 552.186.561	17.014.876.872 14.655.993.308 255.514.295 2.103.369.269 -
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		6.781.592.835	(43.431.620.448)
33	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		71.573.000.000	-
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(45.030.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		26.543.000.000	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		22.449.775.579	(47.044.276.882)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	4	121.403.503.655	150.115.053.286
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	143.853.279.234	103.070.776.404

Người lập:



Bà Nguyễn Hồng Quyên
Kế toán viên

Người kiểm soát:



Bà Ngô Thanh Thủy
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Woo Young Ki
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2015

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

B05a-CTCK

VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu kỳ		Số phát sinh				Số cuối kỳ	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2014	Ngày 1 tháng 1 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015		Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 30 tháng 6 năm 2015
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn cổ phần		300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính		11.875.117	11.875.117	-	-	-	-	11.875.117	11.875.117
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		11.875.117	11.875.117	-	-	-	-	11.875.117	11.875.117
4. Lỗ lũy kế (Trình bày lại)		(39.820.132.577)	(44.526.163.817)	(2.542.490.246)	-	(718.757.149)	-	(42.362.622.823)	(45.244.920.966)
TỔNG CỘNG		260.203.617.657	255.497.586.417	(2.542.490.246)	-	(718.757.149)	-	257.661.127.411	254.778.829.268

Người lập:



Bà Nguyễn Hồng Quyên
Kế toán viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2015

Người kiểm soát:



Bà Ngô Thanh Thủy
Kế toán Trưởng



Ông Võo Young Ki
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam), được đổi tên từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) theo quyết định số 17/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 73/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 18 tháng 12 năm 2007 và các giấy phép điều chỉnh như sau:

<u>Giấy phép kinh doanh điều chỉnh số</u>	<u>Ngày</u>
109/QĐ-UBCK	Ngày 27 tháng 2 năm 2009
218/QĐ-UBCK	Ngày 8 tháng 4 năm 2009
411/QĐ-UBCK	Ngày 10 tháng 7 năm 2009
65/QĐ-UBCK	Ngày 28 tháng 1 năm 2010
23/GPĐC-UBCK	Ngày 6 tháng 4 năm 2011
35/GPĐC-UBCK	Ngày 12 tháng 8 năm 2013
17/GPĐC-UBCK	Ngày 15 tháng 4 năm 2015
421/GPĐC-UBCK	Ngày 20 tháng 5 năm 2015

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ môi giới chứng khoán, tư doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại số 91 Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh và chi nhánh tại tầng 4, toà nhà số 27 phố Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tổng vốn cổ phần của Công ty là 300.000.000.000 đồng Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 31 người (ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 32 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“đồng” hoặc “VNĐ”) phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính, chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo đó, bảng cân đối kế toán giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Báo cáo tài chính giữa niên độ*

Công ty thực hiện lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

2.5 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến nghiệp vụ sau:

Trong kỳ, công ty đã lựa chọn phương pháp giá hợp lý để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán thay vì phương pháp giá gốc như các năm trước. Công ty đã thực hiện trình bày lại dữ liệu tương ứng đối với một số khoản mục trên báo cáo tài chính năm trước cho phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính của năm nay (*Thuyết minh số 27*).

3.2 *Các chuẩn mực và quy định đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực*

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế ("Thông tư 200"). Thông tư này thay thế chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Các chuẩn mực và quy định đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực (tiếp theo)

Thông tư này có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Theo quy định tại Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 sửa đổi bổ sung Điều 128 Thông tư số 200/2014/TT-BTC, doanh nghiệp thuộc đối tượng lập báo cáo giữa niên độ được lựa chọn lập báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2015 theo quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC hoặc Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Theo đó, Công ty lựa chọn áp dụng quy định tại Quyết định 15/2006/QĐ-BTC để lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Thông tư số 210/2015/TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 210/2015/TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010. Thông tư này đưa ra các quy định các nội dung liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán. Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 1 năm 2016.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.4 Đầu tư chứng khoán

Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá hợp lý để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

3.4.1 Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng và được phản ánh theo giá trị hợp lý trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Thay đổi trong giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vào cuối mỗi tháng.

Lãi dự thu nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

3.4.2 Đầu tư chứng khoán dài hạn

Đầu tư chứng khoán dài hạn là các khoản vốn góp mà công ty dự định nắm giữ hơn một năm. Đầu tư chứng khoán dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch liên quan trực tiếp đến việc mua và được phản ánh theo giá trị hợp lý trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Thay đổi trong giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Đầu tư chứng khoán (tiếp theo)

3.4.3 Giá trị hợp lý của chứng khoán

Giá trị hợp lý của chứng khoán được xác định cho từng loại chứng khoán theo giá mua bán trên thị trường.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở giá đóng cửa của Sở giao dịch Chứng khoán tại ngày lập báo cáo.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày lập báo cáo.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với ngày báo cáo.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được phản ánh theo giá gốc.

3.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "*Chi phí quản lý doanh nghiệp*" trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng được quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu tháng đến dưới một năm	30%
Từ một năm đến dưới hai năm	50%
Từ hai năm đến dưới ba năm	70%
Từ ba năm trở lên	100%

3.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.8 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	4 năm
Trang thiết bị văn phòng	4 năm
Phần mềm tin học	3 - 4 năm

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu; liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần từ 1 đến 38 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ:

- ▶ Phí hội viên câu lạc bộ chơi golf;
- ▶ Chi phí bảo trì phần mềm;
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng;
- ▶ Chi phí thuê văn phòng;
- ▶ Chi phí internet;
- ▶ Phí cung cấp thông tin cho sở giao dịch chứng khoán; và
- ▶ Các loại chi phí khác

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập dự trên cơ sở lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2015 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Dự phòng trợ cấp thôi việc trích lập trong kỳ được ghi nhận vào chi phí nhân viên trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.13 Lợi ích của nhân viên

3.13.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18,00% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

3.13.2 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Điều 57, Mục 5 Luật số 38/2013/QH13 về Việc Làm ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2013 và có hiệu lực từ 1 tháng 1 năm 2015, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ hoạt động ứng trước cho khách hàng và lãi từ hoạt động giao dịch ký quỹ được trình bày là lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

3.16 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra.

3.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.18 Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<i>Mức trích lập</i>	
	<i>từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông phù hợp với các quy định pháp lý có liên quan.

3.19 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management
(Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Tiền mặt	3.386.400	7.509.500
Tiền gửi ngân hàng	79.649.892.834	41.293.494.155
Trong đó:		
Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (Thuyết minh số 16)	77.006.368.263	38.425.579.888
Các khoản tương đương tiền	64.200.000.000	80.102.500.000
TỔNG CỘNG	143.853.279.234	121.403.503.655

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.

Bao gồm trong các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, là một số khoản tiền gửi trị giá 29.200.000.000 đồng được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại. Các khoản tiền gửi này có lãi suất từ 4,2%/năm đến 5%/năm (Thuyết minh số 13).

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ (VNĐ)
a. Của Công ty		
- Cổ phiếu	491.420	29.869.384.000
b. Của nhà đầu tư		
- Trái phiếu	9.101.332	1.032.737.355.154
- Cổ phiếu	87.949.300	2.010.573.073.800
TỔNG CỘNG	97.542.052	3.073.179.812.954

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

6.1 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Chi tiết các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn do Công ty nắm giữ như sau:

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)
Chứng khoán thương mại	31.226.603.260	221.484.010
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	110.000.000.000	132.300.000.000
Giá trị thuần đầu tư tài chính ngắn hạn	141.226.603.260	132.521.484.010

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng có thời hạn đáo hạn từ 6 tháng đến 13 tháng, lãi suất từ 5,45%/năm đến 7%/năm.

Bao gồm trong các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng này, là một số khoản tiền gửi trị giá 30.000.000.000 đồng được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại một ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 13).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Chi tiết các khoản đầu tư tài chính dài hạn do Công ty nắm giữ như sau:

	VNĐ	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Công ty TNHH Mirae Asset Realty (Việt Nam)	<u>572.618.000</u>	<u>572.618.000</u>

Công ty TNHH Mirae Asset Realty (Việt Nam) ("Mirae Asset Realty") là một công ty TNHH được thành lập theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 411022000515 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 4 năm 2010. Các hoạt động chính của Mirae Asset Realty là cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản. Đầu tư của Công ty chiếm 14,99% trong tổng vốn điều lệ của Mirae Asset Realty. Tại ngày báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định bằng giá trị ghi sổ do không có thông tin đánh giá đáng tin cậy.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.3 Chi tiết các khoản đầu tư tài chính

Chi tiêu	Giá gốc		Tăng/Giảm so với giá trị hợp lý		Tổng giá trị hợp lý		VNĐ
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
1. Chứng khoán thương mại							
Cổ phiếu niêm yết							
VNM	29.455.057.834	205.742.955	1.771.545.426	15.741.055	31.226.603.260	221.484.010	
FPT	18.986.578.099	3.721.500	1.558.742.901	385.000	20.545.321.000	4.106.500	
REE	4.055.995.330	2.197.440	434.967.870	634.560	4.490.963.200	2.832.000	
MWG	3.644.117.440	947.440	(180.850.040)	349.760	3.463.267.400	1.297.200	
MSN	1.046.000.000	-	(127.250.000)	-	918.750.000	-	
MBB	945.500.000	-	26.500.000	-	972.000.000	-	
ACB	567.165.590	301.590	37.815.910	25.910	604.981.500	327.500	
PVX	39.759.720	39.759.720	(9.973.220)	(17.383.520)	29.786.500	22.376.200	
VSP	8.367.400	8.367.400	(5.583.400)	(5.026.600)	2.784.000	3.340.800	
Khác	8.225.000	8.225.000	(7.805.000)	(7.721.000)	420.000	504.000	
	153.349.255	142.222.865	44.980.405	44.476.945	198.329.660	186.699.810	
2. Đầu tư ngắn hạn khác							
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	110.000.000.000	132.300.000.000	-	-	110.000.000.000	132.300.000.000	
3. Đầu tư dài hạn							
Công ty TNHH Mirae Asset Realty (Việt Nam)	572.618.000	572.618.000	-	-	572.618.000	572.618.000	
	140.027.675.834	133.078.360.955	1.771.545.426	15.741.055	141.799.221.260	133.094.102.010	

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ			Số cuối kỳ		Số khó đòi đã trích lập	Dự phòng	VNĐ
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn			
1. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	25.748.059.069	-	-	263.488.493.507	(225.677.236.698)	63.559.315.878	-	-	-	
- Phải thu từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ (a)	24.892.578.994	-	-	128.156.559.072	(113.083.281.607)	39.965.856.459	-	-	-	
- Phải thu dịch vụ ứng trước cho nhà đầu tư (b)	768.601.067	-	-	133.409.055.598	(110.680.596.409)	23.497.060.256	-	-	-	
- Phải thu phí lưu ký từ nhà đầu tư	80.290.252	-	-	212.762.444	(216.784.648)	76.268.048	-	-	-	
- Phải thu khác	6.588.756	-	-	1.710.116.393	(1.696.574.034)	20.131.115	-	-	-	
2. Các khoản phải thu khác	7.133.743.649	-	-	28.514.285.929	(34.045.848.229)	1.602.181.349	-	-	-	
- Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	6.916.051.597	-	-	27.155.757.961	(32.615.976.225)	1.455.833.333	-	-	-	
- Phải thu khác	217.692.052	-	-	1.358.527.968	(1.429.872.004)	146.348.016	-	-	-	
TỔNG CỘNG	32.881.802.718	-	-	292.002.779.436	(259.723.084.927)	65.161.497.227	-	-	-	

(a) Đây là các khoản phải thu theo các hợp đồng giao dịch ký quỹ chứng khoán. Các hợp đồng này được đảm bảo bằng danh mục chứng khoán hoặc tài sản của nhà đầu tư, có thời hạn không quá 90 ngày và có lãi suất từ 9,99%/năm đến 14%/năm (2014: từ 10,08%/năm đến 14%/năm).

(b) Đây là các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng có lãi suất là 14%/năm (2014: 14%/năm). Các khoản tạm ứng này có kỳ hạn từ 1 đến 3 ngày.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management
(Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VNĐ		
	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Trang thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Ngày 1 tháng 1 năm 2015	4.455.869.359	8.227.275.007	12.683.144.366
Mua trong kỳ	-	720.177.876	720.177.876
Ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>4.455.869.359</u>	<u>8.947.452.883</u>	<u>13.403.322.242</u>
Giá trị hao mòn:			
Ngày 1 tháng 1 năm 2015	4.455.869.359	7.036.713.053	11.492.582.412
Khấu hao trong kỳ	-	354.016.904	354.016.904
Ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>4.455.869.359</u>	<u>7.390.729.957</u>	<u>11.846.599.316</u>
Giá trị còn lại:			
Ngày 1 tháng 1 năm 2015	-	1.190.561.954	1.190.561.954
Ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>-</u>	<u>1.556.722.926</u>	<u>1.556.722.926</u>

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 10.241.895.137 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 10.241.895.137 đồng).

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VNĐ
	<i>Phần mềm tin học</i>
Nguyên giá:	
Ngày 1 tháng 1 năm 2015	7.521.375.340
Mua trong kỳ	-
Số dư cuối kỳ	<u>7.521.375.340</u>
Giá trị hao mòn:	
Ngày 1 tháng 1 năm 2015	4.618.282.510
Khấu hao trong kỳ	865.127.190
Ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>5.483.409.700</u>
Giá trị còn lại:	
Ngày 1 tháng 1 năm 2015	<u>2.903.092.830</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>2.037.965.640</u>

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 1.324.832.689 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.236.980.729 đồng).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VNĐ	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Phí hội viên câu lạc bộ chơi golf	1.034.372.237	1.049.963.704
Chi phí khác	493.928.468	305.885.956
TỔNG CỘNG	<u>1.528.300.705</u>	<u>1.355.849.660</u>

Thay đổi trong chi phí trả trước dài hạn trong kỳ như sau:

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Số dư đầu kỳ	1.355.849.660	1.384.266.740
Tăng trong kỳ	4.022.420.027	551.608.882
Tổng cộng	5.378.269.687	1.935.875.622
Phân bổ trong kỳ	(3.849.968.982)	(431.262.146)
Số dư cuối kỳ	<u>1.528.300.705</u>	<u>1.504.613.476</u>

11. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng và hàng năm phải đóng thêm 0,01% tổng giá trị giao dịch chứng khoán môi giới của năm liền trước. Nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm với giới hạn tối đa về mức đóng góp là 20 tỷ đồng.

Biến động tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Số dư đầu kỳ	1.567.158.026	865.992.296
Tiền nộp bổ sung trong kỳ	454.076.617	611.855.316
Lãi nhận được trong kỳ	85.735.461	89.310.414
Số dư cuối kỳ	<u>2.106.970.104</u>	<u>1.567.158.026</u>

12. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài sản dài hạn khác là tiền ký quỹ thuê văn phòng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management
(Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Vay ngân hàng Woori Bank (i)	15.000.000.000	-
Vay ngân hàng Indovina (ii)	11.543.000.000	-
	26.543.000.000	-

(i) Đây là khoản vay bằng đồng Việt Nam từ Ngân hàng Woori Bank- Chi nhánh Hồ Chí Minh, lãi suất 5,7%/năm, có thời hạn 1 tháng, gốc và lãi trả cuối kỳ, được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng tại cùng ngân hàng (Thuyết minh số 4).

(ii) Đây là khoản vay bằng đồng Việt Nam từ Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Chợ Lớn, lãi suất 8,00%/năm, có thời hạn 1 tháng, gốc và lãi trả cuối kỳ, được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng tại cùng ngân hàng (Thuyết minh số 6.1).

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

		VNĐ			
STT	Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2015
1	Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	194.408.961	832.727.773	876.372.883	150.763.851
2	Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	170.287.586	677.222.662	763.126.118	84.384.130
3	Thuế giá trị gia tăng	-	17.675.210	17.675.210	-
4	Thuế khác	42.572.410	40.585.446	82.455.986	701.870
	TỔNG CỘNG	407.268.957	1.568.211.091	1.739.630.197	235.849.851

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Tiền thưởng phải trả	298.577.121	718.897.188
Phí dịch vụ chuyên môn	189.004.371	246.500.000
Phí giao dịch chứng khoán	187.053.564	206.578.658
Chi phí phải trả khác	257.666.483	162.450.869
	932.301.539	1.334.426.715

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management
(Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

16. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	VNĐ	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Phải trả nhà đầu tư - Tiền bán chứng khoán chờ về	50.600.312.263	28.676.046.888
Phải trả trung tâm lưu ký	26.406.056.000	9.749.533.000
TỔNG CỘNG	<u>77.006.368.263</u>	<u>38.425.579.888</u>

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	VNĐ	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Kinh phí công đoàn	171.092.251	177.004.249
Phải trả cho các thẻ tín dụng	64.153.948	-
Các khoản phải trả khác	-	500.000
TỔNG CỘNG	<u>235.246.199</u>	<u>177.504.249</u>

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Chi tiết vốn góp

	VNĐ	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Vốn góp	300.000.000.000	300.000.000.000

Chi tiết thành phần cổ đông của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	<i>Số cổ phần</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>
Công ty Mirae Asset Securities (HK) LTd	14.700.000	49,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng P/E	13.590.000	45,30%
Cổ đông khác	1.710.000	5,70%
TỔNG CỘNG	<u>30.000.000</u>	<u>100,00%</u>

Công ty mẹ trực tiếp là Công ty Mirae Asset Securities (HK) Ltd. Công ty mẹ cấp trung gian là Công ty Mirae Asset Securities Co., Ltd và công ty mẹ cấp cao nhất là Mirae Asset Financial Group, được thành lập lần lượt tại Hồng Kông và Hàn Quốc.

18.2 Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Công ty không thực hiện trích lập Quỹ dự phòng tài chính và Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ trong kỳ do phát sinh lỗ thuần.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management
(Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

19. DOANH THU KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
		VNĐ
Thu lãi tiền gửi ngân hàng	6.193.693.541	8.580.545.680
Doanh thu hoạt động giao dịch ký quỹ	2.088.416.629	1.908.436.304
Doanh thu hoạt động ứng trước cho nhà đầu tư	251.929.797	253.072.559
Doanh thu khác	176.762.074	-
TỔNG CỘNG	<u>8.710.802.041</u>	<u>10.742.054.543</u>

20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
		VNĐ
Chi phí nhân viên	2.843.186.724	4.070.244.019
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán	1.100.108.130	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	970.432.713	849.931.416
Chi phí môi giới chứng khoán	878.431.838	1.051.766.325
Chi phí bảo trì máy tính và các chi phí khác có liên quan	714.700.668	129.632.969
Chi phí thuê văn phòng	611.448.000	1.093.637.599
Chi phí lưu ký	376.692.555	350.534.670
Thuế GTGT không được khấu trừ	196.359.827	248.138.282
Chi phí khác	799.817.319	1.126.966.315
TỔNG CỘNG	<u>8.491.177.774</u>	<u>8.920.851.595</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
		VNĐ
Chi phí nhân viên quản lý	3.816.728.058	4.256.494.552
Chi phí thuê văn phòng	811.268.640	790.568.352
Chi phí công tác phí	722.959.488	505.512.474
Chi phí tư vấn	423.955.572	1.001.448.648
Chi phí chiêu đãi, tiếp khách	341.887.976	365.817.952
Chi phí khấu hao tài sản cố định	248.711.381	231.816.966
Thuế GTGT không được khấu trừ	202.981.485	224.117.454
Chi phí máy tính và các chi phí liên quan	184.701.793	29.343.259
Chi phí khác bằng tiền	814.216.140	921.294.105
TỔNG CỘNG	7.567.410.533	8.326.413.762

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

22.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 22% trên tổng lợi nhuận chịu thuế trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC (năm 2014: 22%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management
(Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

22.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	VNĐ Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Lỗ thuần trước thuế	(718.757.149)	(2.542.490.246)
Các điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận theo kế toán		
Thu nhập cổ tức	(552.186.561)	-
Chi phí không được khấu trừ	113.400.164	22.021.276
Lỗ tính thuế ước tính	(1.157.543.546)	(2.520.468.970)
Thuế TNDN phải trả theo thuế suất 22%	-	-
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải trả đầu năm	-	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	-	-
Thuế TNDN phải trả cuối năm	-	-

22.2 Chuyển lỗ

Theo quy định thuế hiện hành, Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng năm (5) năm liên tục kể từ năm tiếp theo năm phát sinh khoản lỗ đó.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có khoản lỗ tính thuế mang sang là 39.703.757.248 đồng có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Số lỗ tính thuế phát sinh	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng đến ngày 30 tháng 6 năm 2015	VNĐ	
				Số không được chuyển lỗ	Số lỗ tính thuế chưa sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015
2010	2015	16.155.547.593	(3.879.837.956)	-	12.275.709.637
2011	2016	8.167.713.672	-	-	8.167.713.672
2013	2018	13.767.132.405	-	-	13.767.132.405
2014	2019	4.335.657.988	-	-	4.335.657.988
2015	2020	1.157.543.546	-	-	1.157.543.546
TỔNG CỘNG		43.583.595.204	(3.879.837.956)	-	39.703.757.248

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế này do Công ty chưa chắc chắn về khả năng Công ty sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế để sử dụng tài sản thuế này trong tương lai.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management
(Việt Nam)**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch lớn với các bên liên quan trong năm kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ Giá trị</i>
Công ty Mirae Asset Securitites Co.,Ltd	Công ty mẹ cấp trung gian	Doanh thu môi giới chứng khoán	9.350.780
Công ty Mirae Asset Global Investment	Công ty liên quan	Doanh thu môi giới chứng khoán	185.129.165
Công ty Mirae Asset Exim Investment Limited	Công ty liên quan	Doanh thu lưu ký chứng khoán	134.799.786
Công ty TNHH Mirae Asset Realty (VN)	Công ty liên quan	Chi hộ	187.722.927
Lương và lợi ích khác của Ban Giám đốc Công ty			1.135.009.143

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ Phải thu</i>
Công ty TNHH Mirae Asset Realty (VN)	Công ty liên quan	Chi hộ	9.898.734

24. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai của Công ty theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Đến 3 tháng	665.404.446	664.414.320

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty thực hiện khung quản lý rủi ro toàn diện như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 vì các khoản tiền gửi và vay trong năm hiện hành có lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán hạch toán của Công ty).

Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty là không đáng kể do phần lớn các tài sản và nợ phải trả của Công ty bằng đồng Việt Nam.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro do sự thay đổi về giá cổ phiếu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính, Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Các khoản phải thu

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Các hoạt động cảnh báo nguy cơ giảm tiền ký quỹ (margin call) của khách hàng được thực hiện đúng hạn và tuân thủ theo đúng bản chất của sản phẩm hợp đồng giao dịch ký quỹ. Theo quan điểm đã nói ở trên và thực tế rằng các khoản phải thu khách hàng của Công ty dành cho một số lượng lớn khách hàng đa dạng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management
(Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong *Thuyết minh số 4*.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty:

	VNĐ		
	<i>Bất cứ thời điểm nào</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Ngày 30 tháng 6 năm 2015			
Vay ngắn hạn	-	26.543.000.000	26.543.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	77.006.368.263	-	77.006.368.263
Chi phí phải trả	444.720.047	487.581.492	932.301.539
Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	235.246.199	-	235.246.199
	77.686.334.509	27.030.581.492	104.716.916.001
Ngày 31 tháng 12 năm 2014			
Phải trả người bán	62.940.000	-	62.940.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	38.425.579.888	-	38.425.579.888
Chi phí phải trả	369.029.527	965.397.188	1.334.426.715
Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	177.504.249	-	177.504.249
	39.035.053.664	965.397.188	40.000.450.852

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 Công ty có thể chấp khoản tiền gửi có kỳ hạn với tổng giá trị là 59.200.000.000 đồng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (*Thuyết minh số 4 và Thuyết minh số 6*).

Công ty có giữ các khoản chứng khoán như tài sản cầm cố của khách hàng cho các khoản phải thu khách hàng vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

26. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC

Phần bên dưới trình bày các thuyết minh bổ sung theo yêu cầu của Thông tư 210 đối với các công cụ tài chính.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, các khoản chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, các khoản phải thu.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

- *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*

là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

- *Các khoản cho vay và phải thu:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các khoản được công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management
(Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

26. **THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)**

Tài sản tài chính (tiếp theo)

▪ *Tài sản sẵn sàng để bán:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả và các khoản nợ phải trả theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

▪ *Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn; hoặc
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn.
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

▪ *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

26. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày so sánh giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		VNĐ
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
Tài sản tài chính					
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ					
- <i>Chứng khoán kinh doanh niêm yết</i>	29.455.057.834	205.742.955	31.226.603.260	221.484.010	
Các khoản cho vay và phải thu					
- <i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	143.853.279.234	121.395.994.155	143.853.279.234	121.395.994.155	
- <i>Các khoản đầu tư ngắn hạn</i>	110.000.000.000	132.300.000.000	110.000.000.000	132.300.000.000	
- <i>Phải thu khách hàng và các khoản phải thu ngắn hạn khác</i>	65.161.497.227	32.881.802.718	65.161.497.227	32.881.802.718	
- <i>Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán</i>	2.106.970.104	1.567.158.026	2.106.970.104	1.567.158.026	
- <i>Tài sản tài chính khác</i>	176.298.556	807.351.477	176.298.556	807.351.477	
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán					
- <i>Các khoản đầu tư dài hạn</i>	572.618.000	572.618.000	572.618.000	572.618.000	
Tổng cộng	351.325.720.955	289.730.667.331	353.097.266.381	289.746.408.386	
Nợ phải trả tài chính					
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ					
- <i>Vay ngắn hạn</i>	26.543.000.000	-	26.543.000.000	-	
- <i>Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán</i>	77.006.368.263	38.425.579.888	77.006.368.263	38.425.579.888	
- <i>Chi phí phải trả</i>	633.724.418	1.334.426.715	633.724.418	1.334.426.715	
- <i>Phải trả người bán</i>	-	62.940.000	-	62.940.000	
- <i>Các khoản phải trả khác</i>	64.153.950	177.504.249	235.246.199	177.504.249	
Tổng cộng	104.247.246.631	40.000.450.852	104.418.338.880	40.000.450.852	

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

26. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của chứng khoán thương mại đã niêm yết được xác định dựa trên giá công bố trên các thị trường có giao dịch;
- ▶ Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, phải trả ngắn hạn tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Trong kỳ, công ty đã lựa chọn phương pháp giá hợp lý để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán thay vì phương pháp giá gốc như các năm trước. Công ty đã thực hiện trình bày lại dữ liệu tương ứng đối với một số khoản mục trên báo cáo tài chính năm trước cho phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính của năm nay.

	<u>Số liệu đã báo cáo</u>	<u>Trình bày lại</u>	<u>Số liệu trình bày lại</u>
A. Tài sản ngắn hạn			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
1. Đầu tư ngắn hạn	132.451.828.330	69.655.680	132.521.484.010
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	132.505.742.955 (53.914.625)	15.741.055 53.914.625	132.521.484.010 -
B. Vốn chủ sở hữu			
I. Vốn chủ sở hữu			
4. Lỗi lũy kế	44.595.819.497	(69.655.680)	44.526.163.817

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Công ty.

Người lập:

Bà Nguyễn Hồng Quyên
Kế toán viên

Người kiểm soát:

Bà Ngô Thanh Thủy
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Ông Woo-Young Ki
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2015